

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về mức thu, đối tượng và chế độ thu, nộp
lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 9677/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về mức thu, đối tượng và chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí

Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Các trường hợp miễn nộp lệ phí

Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

3. Mức thu lệ phí và cơ quan thu

a) Mức thu

- Mức thu lệ phí tại UBND phường, xã theo Phụ lục I đính kèm;
- Mức thu lệ phí tại UBND quận, huyện theo Phụ lục II đính kèm;
- Mức thu lệ phí tại Sở Tư pháp về cấp bản sao trích lục hộ tịch là: 5.000 đồng/01 bản sao.

b) Cơ quan thu

- UBND phường, xã;
- UBND quận, huyện;
- Sở Tư pháp.

4. Thu, nộp lệ phí thu được

a) Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

d) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khoá IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND QH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP HĐND, VP UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Xuân Anh

Phụ lục I

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND PHƯỜNG, XÃ**

(Kèm theo Nghị quyết số 56 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố về việc Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)

(Đvt: đồng)

STT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh	
	Đăng ký khai sinh	Miễn thu
	Đăng ký khai sinh quá hạn (Áp dụng đối với trường hợp thực hiện đăng ký khai sinh sau 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra)	5.000
	Đăng ký lại khai sinh	8.000
2	Kết hôn	
	Đăng ký kết hôn	Miễn thu
	Đăng ký lại kết hôn	30.000
3	Khai tử	
	Đăng ký khai tử	Miễn thu
	Đăng ký khai tử quá hạn (Áp dụng đối với trường hợp thực hiện đăng ký khai tử sau 15 ngày kể từ ngày có người chết)	5.000
	Đăng ký lại khai tử	5.000
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	15.000
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	3.000/1 bản sao
7	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	5.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	5.000
10	Giám hộ	
	Đăng ký giám hộ	Miễn thu
	Châm dứt, thay đổi giám hộ	Miễn thu



Phụ lục II

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH
ÁP DỤNG TẠI UBND QUẬN, HUYỆN**

Kèm theo Nghị quyết số 56 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố về việc Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Đvt: đồng)

STT	Nội dung	Mức thu
1	Khai sinh	
	Đăng ký khai sinh	Miễn thu
	Đăng ký lại việc sinh	75.000
2	Khai tử	
	Đăng ký khai tử	Miễn thu
	Đăng ký lại khai tử	50.000
3	Kết hôn	
	Đăng ký kết hôn	1.500.000
	Đăng ký lại kết hôn	1.500.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	5.000/1 bản sao
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	25.000
7	Giám hộ	
	Đăng ký giám hộ	50.000
	Chấm dứt, thay đổi giám hộ	50.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
9	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	50.000